



THIẾT BỊ ĐIỆN HÀN QUỐC

BẢNG GIÁ ĐẠI LÝ THÁNG 6 NĂM 2024

MỤC LỤC

	THIẾT BỊ	TRANG
1	CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG TẾP (MCB) CẦU DAO CHỐNG GIẬT (RCBO & RCCB)	1
2	CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI (MCCB)	5
3	CẦU DAO TỰ ĐỘNG BẢO VỆ DÒNG RÒ DẠNG KHỐI (ELCB)	10
4	MÁY CẮT KHÔNG KHÍ (ACB)	12
5	KHỞI ĐỘNG TỪ	17
6	RƠ LE NHIỆT	19
7	CB BẢO VỆ ĐỘNG CƠ (MMS)	23
8	CÔNG TẮC TƠ LẮP THANH DIN	24

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG TẾP (MCB)

- Sản xuất theo tiêu chuẩn IEC/EN 60898-1, 60947-2
- Dòng định mức từ 1A đến 100A
- MCB loại C

- Có thể lắp thêm nhiều phụ kiện
- Độ bền cơ khí lên đến 20,000 lần đóng/ngắt điện



Sản Phẩm	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Dòng cắt ngắn mạch 6kA				
Loại 1 cực				
1P	6		HGD63M1PMCS0000C00006	80,000
1P	10		HGD63M1PMCS0000C00010	80,000
1P	16		HGD63M1PMCS0000C00016	80,000
1P	20		HGD63M1PMCS0000C00020	80,000
1P	25		HGD63M1PMCS0000C00025	80,000
1P	32		HGD63M1PMCS0000C00032	80,000
1P	40		HGD63M1PMCS0000C00040	80,000
1P	50		HGD63M1PMCS0000C00050	80,000
1P	63		HGD63M1PMCS0000C00063	80,000
Loại 2 cực				
2P	6		HGD63M2PMCS0000C00006	160,000
2P	10		HGD63M2PMCS0000C00010	160,000
2P	16		HGD63M2PMCS0000C00016	160,000
2P	20		HGD63M2PMCS0000C00020	160,000
2P	25		HGD63M2PMCS0000C00025	160,000
2P	32		HGD63M2PMCS0000C00032	160,000
2P	40		HGD63M2PMCS0000C00040	160,000
2P	50		HGD63M2PMCS0000C00050	160,000
2P	63		HGD63M2PMCS0000C00063	160,000
Loại 3 cực				
3P	6		HGD63M3PMCS0000C00006	250,000
3P	10		HGD63M3PMCS0000C00010	250,000
3P	16		HGD63M3PMCS0000C00016	250,000
3P	20		HGD63M3PMCS0000C00020	250,000
3P	25		HGD63M3PMCS0000C00025	250,000
3P	32		HGD63M3PMCS0000C00032	250,000
3P	40		HGD63M3PMCS0000C00040	250,000
3P	50		HGD63M3PMCS0000C00050	250,000
3P	63		HGD63M3PMCS0000C00063	250,000
Loại 4 cực				
4P	6		HGD63M4PMCS0000C00006	330,000
4P	10		HGD63M4PMCS0000C00010	330,000
4P	16		HGD63M4PMCS0000C00016	330,000
4P	20		HGD63M4PMCS0000C00020	330,000
4P	25		HGD63M4PMCS0000C00025	330,000
4P	32		HGD63M4PMCS0000C00032	330,000
4P	40		HGD63M4PMCS0000C00040	330,000
4P	50		HGD63M4PMCS0000C00050	330,000
4P	63		HGD63M4PMCS0000C00063	330,000

CẦU DAO CHỐNG GIẬT (RCBO & RCCB)

- Sản xuất theo tiêu chuẩn IEC 61009-1
- Dòng định mức từ 6A đến 63A
- Dòng rò có thể bảo vệ 10,30,100,300 mA

- Icu từ 4.5kA đến 10kA
- Độ bền cơ khí lên đến 20,000 lần đóng/ngắt

Sản Phẩm	Số cực	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
RCBO Loại 2 module				
Icu = 4.5kA & IΔn = 30mA				
	1P+N	6	HRO63S1NG4C0000C00006GC	388,000
	1P+N	10	HRO63S1NG4C0000C00010GC	388,000
	1P+N	16	HRO63S1NG4C0000C00016GC	388,000
	1P+N	20	HRO63S1NG4C0000C00020GC	388,000
	1P+N	25	HRO63S1NG4C0000C00025GC	388,000
	1P+N	32	HRO63S1NG4C0000C00032GC	388,000
	1P+N	40	HRO63S1NG4C0000C00040GC	408,000
	1P+N	50	HRO63S1NG4C0000C00050GC	408,000
	1P+N	63	HRO63S1NG4C0000C00063GC	408,000
RCBO nhỏ gọn				
Icn = 6kA & IΔn = 30mA				
	1P+N	6	HRO40MN1G4C0000C00006GC	763,000
	1P+N	10	HRO40MN1G4C0000C00010GC	763,000
	1P+N	16	HRO40MN1G4C0000C00016GC	763,000
	1P+N	20	HRO40MN1G4C0000C00020GC	763,000
	1P+N	25	HRO40MN1G4C0000C00025GC	763,000
	1P+N	32	HRO40MN1G4C0000C00032GC	763,000
	1P+N	40	HRO40MN1G4C0000C00040GC	791,000
	1P+N	50	HRO40MN1G4C0000C00040GC	791,000
	1P+N	63	HRO40MN1G4C0000C00040GC	791,000

CẦU DAO CHỐNG GIẬT RCCB

- Sản xuất tại Trung Quốc theo tiêu chuẩn IEC 61008-1
- Dòng định mức từ 16A đến 100A
- Dòng rò có thể bảo vệ 10,30,100,300 mA

- Độ bền cơ khí lên đến 20,000 lần đóng/ngắt
- $I_{cu} = 6kA$

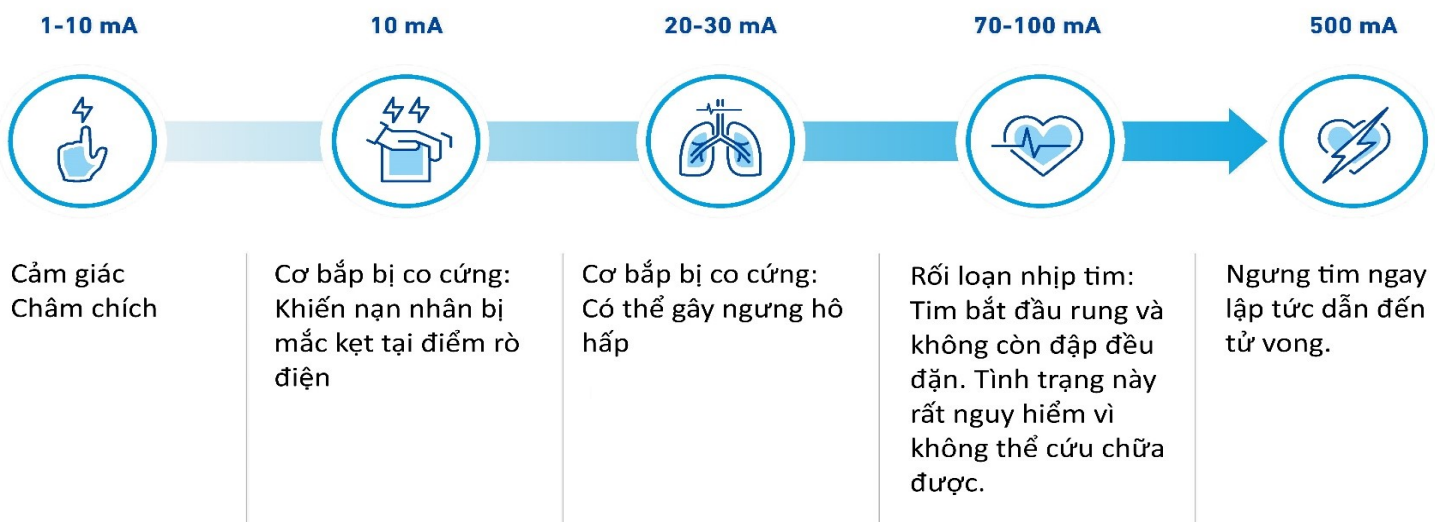


Sản Phẩm	Số cực	Khả năng cắt I_{cu} (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
HRC STANDARD, $I_{\Delta n} = 30mA$; $I_{\Delta n} = 300mA$					
<u>RCCB 2 cực (1P+N)</u>					
	2P	30	16	HRC63S2PG4S0000C00016G	627,000
	2P	30	25	HRC63S2PG4S0000C00025G	627,000
	2P	30	32	HRC63S2PG4S0000C00032G	627,000
	2P	30	40	HRC63S2PG4S0000C00040G	627,000
	2P	30	63	HRC63S2PG4S0000C00063G	627,000
	2P	30	80	HRC100S2PG4S0000C00080G	952,000
	2P	30	100	HRC100S2PG4S0000C00100G	952,000
<u>RCCB 4 cực (3P+N)</u>					
	4P	30	16	HRC63S4PG4S0000C00016G	869,000
	4P	30	25	HRC63S4PG4S0000C00025G	869,000
	4P	30	32	HRC63S4PG4S0000C00032G	869,000
	4P	30	40	HRC63S4PG4S0000C00040G	869,000
	4P	30	63	HRC63S4PG4S0000C00063G	869,000
	4P	30	80	HRC100S4PG4S0000C00080G	1,333,000
	4P	30	100	HRC100S4PG4S0000C00100G	1,333,000
HRC STANDARD, $I_{\Delta n} = 100mA$					
<u>RCCB 4 cực (3P+N)</u>					
	4P	100	16	HRC63S4PG5S0000C00016G	869,000
	4P	100	25	HRC63S4PG5S0000C00025G	869,000
	4P	100	32	HRC63S4PG5S0000C00032G	869,000
	4P	100	40	HRC63S4PG5S0000C00040G	869,000
	4P	100	63	HRC63S4PG5S0000C00063G	869,000
	4P	100	80	HRC100S4PG5S0000C00080G	1,333,000
	4P	100	100	HRC100S4PG5S0000C00100G	1,333,000

Ghi chú/ Note:

[a] - Giá trên là cho RCCB bảo vệ loại AC. Nếu có nhu cầu bảo vệ loại A, vui lòng liên hệ văn phòng Hyundai

Mức độ nguy hiểm của dòng điện đối với con người



CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG TẾP (MCB)

Sản Phẩm

Số cực

Dòng định mức (A)

Mã hàng

Đơn giá (VNĐ)

Dòng cắt ngắn mạch 10kA

Loại 1 cực

1P	6	HGD63P1PMCS0000C00006	127,000
1P	10	HGD63P1PMCS0000C00010	127,000
1P	16	HGD63P1PMCS0000C00016	127,000
1P	20	HGD63P1PMCS0000C00020	127,000
1P	25	HGD63P1PMCS0000C00025	127,000
1P	32	HGD63P1PMCS0000C00032	127,000
1P	40	HGD63P1PMCS0000C00040	127,000
1P	50	HGD63P1PMCS0000C00050	127,000
1P	63	HGD63P1PMCS0000C00063	127,000
1P	80	HGD100S1PMCS0000C00080	242,000
1P	100	HGD100S1PMCS0000C00100	242,000

Loại 2 cực

2P	6	HGD63P2PMCS0000C00006	253,000
2P	10	HGD63P2PMCS0000C00010	253,000
2P	16	HGD63P2PMCS0000C00016	253,000
2P	20	HGD63P2PMCS0000C00020	253,000
2P	25	HGD63P2PMCS0000C00025	253,000
2P	32	HGD63P2PMCS0000C00032	253,000
2P	40	HGD63P2PMCS0000C00040	253,000
2P	50	HGD63P2PMCS0000C00050	253,000
2P	63	HGD63P2PMCS0000C00063	253,000
2P	80	HGD100S2PMCS0000C00080	523,000
2P	100	HGD100S2PMCS0000C00100	523,000

Loại 3 cực

3P	6	HGD63P3PMCS0000C00006	400,000
3P	10	HGD63P3PMCS0000C00010	400,000
3P	16	HGD63P3PMCS0000C00016	400,000
3P	20	HGD63P3PMCS0000C00020	400,000
3P	25	HGD63P3PMCS0000C00025	400,000
3P	32	HGD63P3PMCS0000C00032	400,000
3P	40	HGD63P3PMCS0000C00040	400,000
3P	50	HGD63P3PMCS0000C00050	400,000
3P	63	HGD63P3PMCS0000C00063	400,000
3P	80	HGD100S3PMCS0000C00080	831,000
3P	100	HGD100S3PMCS0000C00100	831,000

Loại 4 cực

4P	6	HGD63P4PMCS0000C00006	523,000
4P	10	HGD63P4PMCS0000C00010	523,000
4P	16	HGD63P4PMCS0000C00016	523,000
4P	20	HGD63P4PMCS0000C00020	523,000
4P	25	HGD63P4PMCS0000C00025	523,000
4P	32	HGD63P4PMCS0000C00032	523,000
4P	40	HGD63P4PMCS0000C00040	523,000
4P	50	HGD63P4PMCS0000C00050	523,000
4P	63	HGD63P4PMCS0000C00063	523,000
4P	80	HGD100S4PMCS0000C00080	990,000
4P	100	HGD100S4PMCS0000C00100	990,000



CẦU DAO TỰ ĐỘNG DẠNG KHỐI (MCCB)

- Sản xuất tại Hàn Quốc theo tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Khả năng cắt ngắn mạch I_{cu} lên đến 100kA
- Chính định được ngưỡng bảo vệ quá tải từ 0.8 (0.63) đến 1 x I_n

• $I_{cs} = 100\%I_{cu}$



Dòng HGM, 2 cực

$I_{cu} = 35kA$

2P	16	HGM100E2PT4S0000C00016F	825,000
2P	20	HGM100E2PT4S0000C00020F	825,000
2P	25	HGM100E2PT4S0000C00025F	825,000
2P	32	HGM100E2PT4S0000C00032F	825,000
2P	40	HGM100E2PT4S0000C00040F	825,000
2P	50	HGM100E2PT4S0000C00050F	825,000
2P	63	HGM100E2PT4S0000C00063F	825,000
2P	75	HGM100E2PT4S0000C00075F	825,000
2P	80	HGM100E2PT4S0000C00080F	825,000
2P	100	HGM100E2PT4S0000C00100F	825,000

$I_{cu} = 65kA$

2P	125	HGM125S2PT4S0000C00125F	1,050,000
----	-----	-------------------------	-----------

$I_{cu} = 85kA$

2P	150	HGM250H2PT4S0000C00150F	1,815,000
2P	160	HGM250H2PT4S0000C00160F	1,815,000
2P	175	HGM250H2PT4S0000C00175F	1,815,000
2P	200	HGM250H2PT4S0000C00200F	1,815,000
2P	225	HGM250H2PT4S0000C00225F	1,815,000
2P	250	HGM250H2PT4S0000C00250F	1,815,000

Dòng HGM, 3 cực

$I_{cu} = 18kA @ 380V$ ($I_{cu} = 16kA @ 415V$)

3P	16	HGM100E3PT4S0000C00016F	950,000
3P	20	HGM100E3PT4S0000C00020F	950,000
3P	25	HGM100E3PT4S0000C00025F	950,000
3P	32	HGM100E3PT4S0000C00032F	950,000
3P	40	HGM100E3PT4S0000C00040F	950,000
3P	50	HGM100E3PT4S0000C00050F	950,000
3P	63	HGM100E3PT4S0000C00063F	1,050,000
3P	75	HGM100E3PT4S0000C00075F	1,050,000
3P	80	HGM100E3PT4S0000C00080F	1,050,000
3P	100	HGM100E3PT4S0000C00100F	1,050,000



32, 50, 63, 100 AF



50, 125 AF

Icu = 22kA @ 380V (Icu = 20kA @ 415V)

3P	16	HGM100S3PT4S0000C00016F	1,000,000
3P	20	HGM100S3PT4S0000C00020F	1,000,000
3P	25	HGM100S3PT4S0000C00025F	1,000,000
3P	32	HGM100S3PT4S0000C00032F	1,000,000
3P	40	HGM100S3PT4S0000C00040F	1,000,000
3P	50	HGM100S3PT4S0000C00050F	1,000,000
3P	63	HGM100S3PT4S0000C00063F	1,100,000
3P	75	HGM100S3PT4S0000C00075F	1,100,000
3P	80	HGM100S3PT4S0000C00080F	1,100,000
3P	100	HGM100S3PT4S0000C00100F	1,100,000

Icu = 30kA @ 380V (Icu = 26kA @ 415V)

3P	125	HGM125S3PT4S0000C00125F	1,265,000
----	-----	-------------------------	-----------

Icu = 42kA @ 380V (Icu = 38kA @ 415V)

3P	150	HGM250H3PT4S0000C00150F	2,300,000
3P	160	HGM250H3PT4S0000C00160F	2,300,000
3P	175	HGM250H3PT4S0000C00175F	2,300,000
3P	200	HGM250H3PT4S0000C00200F	2,300,000
3P	225	HGM250H3PT4S0000C00225F	2,300,000
3P	250	HGM250H3PT4S0000C00250F	2,300,000

Dòng HGM, 3 cực

Icu = 45kA @ 380/415V

3P	300	HGM400E3PT4S0000C00300F	5,350,000
3P	350	HGM400E3PT4S0000C00350F	5,350,000
3P	400	HGM400E3PT4S0000C00400F	5,350,000

Icu = 65kA @ 380/415V

3P	300	HGM400S3PT4S0000C00300F	5,700,000
3P	350	HGM400S3PT4S0000C00350F	5,700,000
3P	400	HGM400S3PT4S0000C00400F	5,700,000
3P	500	HGM630S3PT4S0000C00500F	10,480,000
3P	630	HGM630S3PT4S0000C00630F	10,480,000
3P	700	HGM800S3PT4S0000C00700F	10,590,000
3P	800	HGM800S3PT4S0000C00800F	10,590,000

MCCB dòng định mức trên 800A - Icu = 70kA

3P	1000	HGM1000S3PENBS0000C01000	30,000,000
3P	1250	HGM1250S3PENBS0000C01250	32,000,000
3P	1600	HGM1600S3PENBS0000C01600	57,000,000

Ghi chú/ Note:

- Dòng MCCB trên 800A có các lưu ý sau:
- Ics cho MCCB 1000, 1250, 1600 tại 380/415 V lần lượt là 65kA, 65kA, 50kA
- Trip unit là loại điện từ tích hợp bảo vệ ngắn mạch tức thời / có thời gian & bảo vệ quá tải.
 - Bảo vệ quá tải: 0.4 - 0.5 - 0.6 - 0.7 - 0.8 - 0.9 - 0.95 - 1 x In
 - Đối với MCCB dưới 250A có 3 mức chỉnh ngưỡng bảo vệ nhiệt: 80%, 90% & 100%
 - Đối với MCCB trên 250A có 3 mức chỉnh ngưỡng bảo vệ nhiệt: 63%, 80% & 100%

Dòng HGM, 4 cực

Icu = 22kA @ 380V (Icu = 20kA @ 415V)

4P	16	HGM100S4PT4S0000C00016F	1,450,000
4P	20	HGM100S4PT4S0000C00020F	1,450,000
4P	25	HGM100S4PT4S0000C00025F	1,450,000
4P	32	HGM100S4PT4S0000C00032F	1,450,000
4P	40	HGM100S4PT4S0000C00040F	1,450,000
4P	50	HGM100S4PT4S0000C00050F	1,450,000
4P	63	HGM100S4PT4S0000C00063F	1,450,000
4P	75	HGM100S4PT4S0000C00075F	1,450,000
4P	80	HGM100S4PT4S0000C00080F	1,450,000
4P	100	HGM100S4PT4S0000C00100F	1,450,000

Icu = 30kA @ 380V (Icu = 26kA @ 415V)

4P	125	HGM125S4PT4S0000C00125F	2,100,000
----	-----	-------------------------	-----------

Icu = 42kA @ 380V (Icu = 38kA @ 415V)

4P	150	HGM250H4PT4S0000C00150F	3,370,000
4P	160	HGM250H4PT4S0000C00160F	3,370,000
4P	175	HGM250H4PT4S0000C00175F	3,370,000
4P	200	HGM250H4PT4S0000C00200F	3,370,000
4P	225	HGM250H4PT4S0000C00225F	3,370,000
4P	250	HGM250H4PT4S0000C00250F	3,370,000

Dòng HGM, 4 cực

Icu = 45kA @ 380/415V

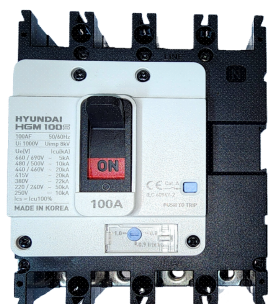
4P	300	HGM400E4PT4S0000C00300F	7,170,000
4P	350	HGM400E4PT4S0000C00350F	7,170,000
4P	400	HGM400E4PT4S0000C00400F	7,170,000
4P	500	HGM630E4PT4S0000C00500F	12,300,000
4P	630	HGM630E4PT4S0000C00630F	12,300,000

Icu = 65kA @ 380/415V

4P	700	HGM800S4PT4S0000C00700F	14,040,000
4P	800	HGM800S4PT4S0000C00800F	14,040,000

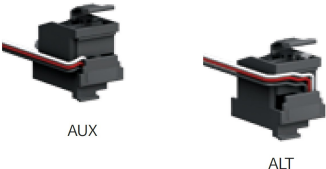
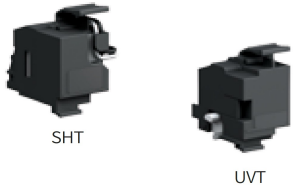
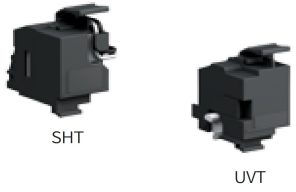
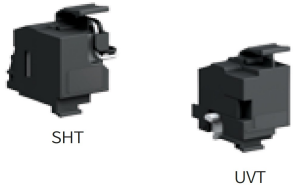
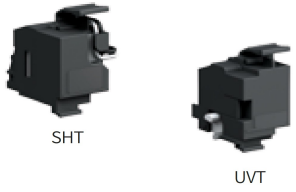
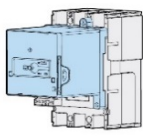
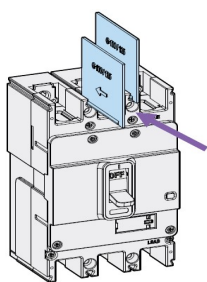
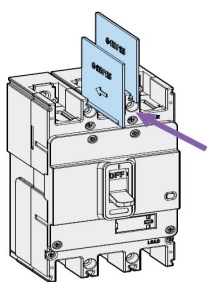
MCCB dòng định mức trên 800A - Icu = 70kA

4P	1000	HGM1000S4PNENBS0000C01000	48,710,000
4P	1250	HGM1250S4PNENBS0000C01250	49,900,000



PHỤ KIỆN DÙNG CHO MCCB HGM & HGE SERIES

• Sản xuất tại Hàn Quốc theo tiêu chuẩn IEC 60947-1,2

Sản Phẩm	Dùng cho loại	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
 AUX ALT	Tiếp điểm bảo trạng thái đóng ngắt		
	HGM/HGE, In≤250A	AUX10GMC1	285,000
 SHT UVT	HGM/HGE, In>250A	AUX40GMC1	430,000
	Tiếp điểm bảo trạng thái sự cố		
 SHT UVT	HGM/HGE, In≤250A Left side	ALT10GML1	285,000
	HGM/HGE, In≤250A Right side	ALT10GMR1	285,000
	HGM/HGE, In>250A	ALT40GML1	430,000
 SHT UVT	Cuộn Shunt ngắt		
	HGM/HGE, In≤250A	SHT10GM AC200-250V	495,000
	HGM/HGE, In≤250A	SHT10GM AC380-480V	495,000
	HGM/HGE, In>250A	SHT40GM AC200-250V	760,000
 SHT UVT	HGM/HGE, In>250A	SHT40GM AC380-480V	760,000
	Cuộn Shunt ngắt khi thấp áp		
	HGM/HGE, In≤250A	UVT10GM AC200-230V	1,125,000
	HGM/HGE, In≤250A	UVT10GM AC380-415V	1,125,000
	HGM/HGE, In>250A	UVT40GM AC200-250V	1,160,000
	HGM/HGE, In>250A	UVT40GM AC380-480V	1,160,000
 Front Contact Rotary Handle (TFG-HGM)	Động cơ đóng cắt MCCB		
	HGM/HGE 100	MOT10GM AC/DC240V	5,890,000
	HGM/HGE 125	MOT12GM AC/DC240V	6,420,000
	HGM/HGE 250	MOT25GM AC/DC240V	6,420,000
	HGM/HGE 400	MOT40GM AC/DC240V	9,100,000
	HGM/HGE 630 800	MOT80GM AC/DC240V	10,170,000
 Extension Rotary Handle (TFH-HGM)	Tay xoay		
	HGM/HGE 100	TFG10GMU	560,000
	HGM/HGE 125	TFG12GMU	580,000
	HGM/HGE 250	TFG25GMU	600,000
	HGM/HGE 400	TFG40GMU	1,350,000
	HGM/HGE 630 800	TFG80GMU	1,350,000
	HGM/HGE 100	TFH10GM	780,000
	HGM/HGE 125	TFH12GM	780,000
	HGM/HGE 250	TFH25GM	780,000
	HGM/HGE 400	TFH40GM	1,550,000
 TFH	HGM/HGE 630 800	TFH80GM	1,550,000
	Khóa liên động		
	HGM/HGE 100	MIF10GM [x]	910,000
	HGM/HGE 125	MIF12GM [x]	910,000
	HGM/HGE 250	MIF25GM [x]	910,000
	HGM/HGE 400	MIF40GM [x]	1,100,000
 MIF	HGM/HGE 630 800	MIF80GM [x]	1,350,000
	Tấm chắn pha		
	HGM/HGE 100 125	TQQ10GM3	42,000
	HGM/HGE 250	TQQ25GM3	52,000
	HGM/HGE 400 630 800	TQQ40GM3	185,000

Khóa vị trí ON/OFF bằng chìa khóa

HGM/HGE 100 125 250	PLD10GM	475,000
HGM/HGE 400 630 800	PLD40GM	495,000

Ghi chú/ Note:

[d] - Thay [x] bằng các giá trị sau để chọn số cực MCCB:

• 2 - MCCB 2 cực

• 3 - MCCB 3 cực

• R4 - MCCB 4 cực

PHỤ KIỆN DÙNG CHO MCCB TRÊN 800A

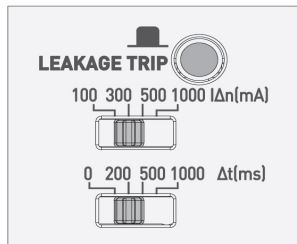
• Sản xuất tại Thổ Nhĩ Kỳ theo tiêu chuẩn IEC 60947-1,2

Sản Phẩm	Dùng cho loại	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Tiếp điểm báo trạng thái đóng ngắt			
	HGM1000/1250	AUX120GMS1	420,000
	HGM1000/1250	AUX120GMS2	650,000
Tiếp điểm báo trạng thái sự cố			
	HGM1000/1250	ALT120GMSR1	460,000
Cuộn Shunt ngắt			
	HGM1000/1250	SHT120GMS AC100-120V	1,050,000
	HGM1000/1250	SHT120GMS AC200-230V	1,050,000
	HGM1000/1250	SHT120GMS AC380-415V	1,050,000
Cuộn Shunt ngắt khi thấp áp			
	HGM1000/1250	UVT120GMS AC100-120V	1,380,000
	HGM1000/1250	UVT120GMS AC200-230V	1,380,000
	HGM1000/1250	UVT120GMS AC380-415V	1,380,000
Động cơ đóng cắt MCCB			
	HGM1000/1250 3 Poles	MOT120GMS3	14,170,000
	HGM1000/1250 4 Poles	MOT120GMS4	14,170,000
Tay vận hành nối dài			
	HGM1000/1250	THA120GMS	460,000
	HGM1000/1250 3 Poles	TFH120GMS3	3,100,000
	HGM1000/1250 4 Poles	TFH120GMS4	3,100,000
Khóa liên động			
	HGM1000/1250 3 Poles	MIF120GMS3	7,480,000
	HGM1000/1250 4 Poles	MIF120GMS4	7,480,000
Khóa vị trí ON/OFF bằng chìa khóa			
	HGM1000/1250	KEY120GMS	570,000
Tấm chắn pha			
	HGM1000/1250 3 Poles	TQQ120GMS3	230,000
	HGM1000/1250 4 Poles	TQQ120GMS4	310,000

CẦU DAO TỰ ĐỘNG BẢO VỆ DÒNG RÒ DẠNG KHỐI (ELCB)

- Sản xuất tại Hàn Quốc theo tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng chạm đất bảo vệ chỉnh định từ 100, 300, 500, 1000 mA

- Dòng định mức đến 800A



Dòng HGE, 2 cực

Icu = 30kA

Sản Phẩm	Số cực	Khả năng cắt Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	2P	30	16	HGE100E2PG5S0000C00016	2,170,000
	2P	30	20	HGE100E2PG5S0000C00020	2,170,000
	2P	30	25	HGE100E2PG5S0000C00025	2,170,000
	2P	30	32	HGE100E2PG5S0000C00032	2,170,000
	2P	30	40	HGE100E2PG5S0000C00040	2,170,000
	2P	30	50	HGE100E2PG5S0000C00050	2,170,000
	2P	30	63	HGE100E2PG5S0000C00063	2,170,000
	2P	30	75	HGE100E2PG5S0000C00075	2,170,000
	2P	30	80	HGE100E2PG5S0000C00080	2,170,000
	2P	30	100	HGE100E2PG5S0000C00100	2,170,000

Dòng HGE, 3 cực

Icu = 22kA

Sản Phẩm	Số cực	Khả năng cắt Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	3P	18	16	HGE100S3PG5S0000C00016	3,040,000
	3P	18	20	HGE100S3PG5S0000C00020	3,040,000
	3P	18	25	HGE100S3PG5S0000C00025	3,040,000
	3P	18	32	HGE100S3PG5S0000C00032	3,040,000
	3P	18	40	HGE100S3PG5S0000C00040	3,040,000
	3P	18	50	HGE100S3PG5S0000C00050	3,040,000
	3P	18	63	HGE100S3PG5S0000C00063	3,040,000
	3P	18	75	HGE100S3PG5S0000C00075	3,040,000
	3P	18	80	HGE100S3PG5S0000C00080	3,040,000
	3P	18	100	HGE100S3PG5S0000C00100	3,040,000

Icu = 30kA

Sản Phẩm	Số cực	Khả năng cắt Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	3P	30	125	HGE125S3PG5S0000C00125	3,190,000
	3P	30	150	HGE250S3PG5S0000C00150	4,290,000
	3P	30	160	HGE250S3PG5S0000C00160	4,290,000
	3P	30	175	HGE250S3PG5S0000C00175	4,290,000
	3P	30	200	HGE250S3PG5S0000C00200	4,290,000
	3P	30	225	HGE250S3PG5S0000C00225	4,290,000
	3P	30	250	HGE250S3PG5S0000C00250	4,290,000

Icu = 45kA @ 380/415V

Sản Phẩm	Số cực	Khả năng cắt Icu (kA)	Dòng định mức In (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	3P	45	300	HGE400E3PG5S0000C00300	10,690,000
	3P	45	350	HGE400E3PG5S0000C00350	10,690,000
	3P	45	400	HGE400E3PG5S0000C00400	10,690,000

Dòng HGE, 4 cực

Icu = 22kA @ 380V (Icu = 20kA @ 415V)

4P	18	16	HGE100S4PG5S0000C00016	3,920,000
4P	18	20	HGE100S4PG5S0000C00020	3,920,000
4P	18	25	HGE100S4PG5S0000C00025	3,920,000
4P	18	32	HGE100S4PG5S0000C00032	3,920,000
4P	18	40	HGE100S4PG5S0000C00040	3,920,000
4P	18	50	HGE100S4PG5S0000C00050	3,920,000
4P	18	63	HGE100S4PG5S0000C00063	3,920,000
4P	18	75	HGE100S4PG5S0000C00075	3,920,000
4P	18	80	HGE100S4PG5S0000C00080	3,920,000
4P	18	100	HGE100S4PG5S0000C00100	3,920,000

Icu = 30kA @ 380V (Icu = 26kA @ 415V)

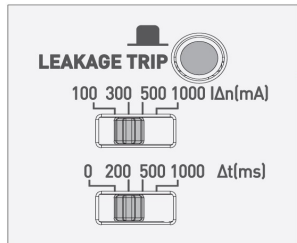
4P	30	125	HGE125S4PG5S0000C00125	4,300,000
4P	30	150	HGE250S4PG5S0000C00150	7,700,000
4P	30	160	HGE250S4PG5S0000C00160	7,700,000
4P	30	175	HGE250S4PG5S0000C00175	7,700,000
4P	30	200	HGE250S4PG5S0000C00200	7,700,000
4P	30	225	HGE250S4PG5S0000C00225	7,700,000
4P	30	250	HGE250S4PG5S0000C00250	7,700,000

Icu = 45kA @ 380/415V

4P	45	300	HGE400E4PG5S0000C00300	15,950,000
4P	45	350	HGE400E4PG5S0000C00350	15,950,000
4P	45	400	HGE400E4PG5S0000C00400	15,950,000

Icu = 65kA @ 380/415V

4P	65	300	HGE400S4PG5S0000C00300	16,500,000
4P	65	350	HGE400S4PG5S0000C00350	16,500,000
4P	65	400	HGE400S4PG5S0000C00400	16,500,000



MÁY CẮT KHÔNG KHÍ (ACB)

- Sản xuất tại Hàn Quốc theo tiêu chuẩn IEC 60947-1,2
- Dòng định mức (In) từ 630A đến 6300A
- Khả năng cắt ngắn mạch Icu lên đến 150kA và $Ics = 100\% Icu$
- Tích hợp màn hình LCD với khả năng nhớ 200 sự kiện
- Tích hợp bảo vệ LSIG và truyền thông MODBUS

Sản Phẩm	Số cực	Khả năng cắt (kA)	Dòng định mức (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Loại cố định Fixed, 3 cực					
HGS SERIES					
 A Frame [85 kA]	3P	65	630	HGS06A3HM0C0S051T	35,200,000
	3P	65	800	HGS08A3HM0C0S051H	37,400,000
	3P	65	1000	HGS10A3HM0C0S051J	38,500,000
	3P	65	1250	HGS12A3HM0C0S051K	39,600,000
	3P	65	1600	HGS16A3HM0C0S051L	41,300,000
	3P	85	2000	HGS20B3HM0C0S051M	56,100,000
	3P	85	2500	HGS25B3HM0C0S051N	73,000,000
	3P	85	3200	HGS32B3HM0C0S051P	82,000,000
HGN SERIES					
 B Frame [100 kA]	3P	85	630	HGN06A3HM0C0S051T	44,000,000
	3P	85	800	HGN08A3HM0C0S051H	47,000,000
	3P	85	1000	HGN10A3HM0C0S051J	48,000,000
	3P	85	1250	HGN12A3HM0C0S051K	51,500,000
	3P	85	1600	HGN16A3HM0C0S051L	52,000,000
	3P	85	2000	HGN20A3HM0C0S051M	56,100,000
	3P	100	2500	HGN25B3HM0C0S051N	74,000,000
	3P	100	3200	HGN32B3HM0C0S051P	85,000,000
	3P	100	4000	HGN40B3HM0C0S051Q	118,000,000
	3P	100	5000	HGN50C3HM0C0S051S	165,000,000
	3P	150	6300	HGN63D3HM0C0S051X	244,200,000

Loại cố định Fixed, 4 cực

HGS SERIES

4P	65	630	HGS06A4HM0C0S051T	38,000,000
4P	65	800	HGS08A4HM0C0S051H	41,300,000
4P	65	1000	HGS10A4HM0C0S051J	42,400,000
4P	65	1250	HGS12A4HM0C0S051K	48,400,000
4P	65	1600	HGS16A4HM0C0S051L	52,000,000
4P	85	2000	HGS20B4HM0C0S051M	64,000,000
4P	85	2500	HGS25B4HM0C0S051N	91,000,000
4P	85	3200	HGS32B4HM0C0S051P	105,400,000

HGN SERIES

4P	85	630	HGN06A4HM0C0S051T	45,700,000
4P	85	800	HGN08A4HM0C0S051H	49,000,000
4P	85	1000	HGN10A4HM0C0S051J	49,500,000
4P	85	1250	HGN12A4HM0C0S051K	58,500,000
4P	85	1600	HGN16A4HM0C0S051L	62,500,000
4P	85	2000	HGN20A4HM0C0S051M	72,000,000
4P	100	2500	HGN25B4HM0C0S051N	97,000,000
4P	100	3200	HGN32B4HM0C0S051P	105,400,000
4P	100	4000	HGN40B4HM0C0S051Q	140,800,000
4P	100	5000	HGN50C4HM0C0S051S	210,000,000
4P	150	6300	HGN63D4HM0C0S051X	311,300,000



C Frame [100 kA]

Loại di động Drawout, 3 cực

HGS SERIES

3P	65	630	HGS06A3BM0C0S051T	51,200,000
3P	65	800	HGS08A3BM0C0S051H	54,500,000
3P	65	1000	HGS10A3BM0C0S051J	55,600,000
3P	65	1250	HGS12A3BM0C0S051K	58,300,000
3P	65	1600	HGS16A3BM0C0S051L	61,600,000
3P	85	2000	HGS20B3BM0C0S051M	79,200,000
3P	85	2500	HGS25B3BM0C0S051N	100,100,000
3P	85	3200	HGS32B3BM0C0S051P	109,800,000



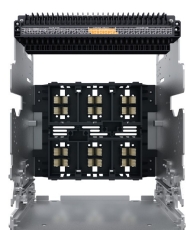


HGN SERIES				
3P	85	630	HGN06A3BM0C0S051T	63,300,000
3P	85	800	HGN08A3BM0C0S051H	64,400,000
3P	85	1000	HGN10A3BM0C0S051J	65,500,000
3P	85	1250	HGN12A3BM0C0S051K	67,100,000
3P	85	1600	HGN16A3BM0C0S051L	68,200,000
3P	85	2000	HGN20A3 <u>C</u> M0C0S051M	76,500,000
3P	100	2500	HGN25B3BM0C0S051N	88,000,000
3P	100	3200	HGN32B3BM0C0S051P	118,800,000
3P	100	4000	HGN40B3BM0C0S051Q	165,000,000
3P	100	5000	HGN50C3BM0C0S051S	217,800,000
3P	150	6300	HGN63D3BM0C0S051X	316,800,000

Loại di động Drawout, 4 cực

HGS SERIES				
4P	65	630	HGS06A4BM0C0S051T	58,300,000
4P	65	800	HGS08A4BM0C0S051H	62,200,000
4P	65	1000	HGS10A4BM0C0S051J	63,300,000
4P	65	1250	HGS12A4BM0C0S051K	68,200,000
4P	65	1600	HGS16A4BM0C0S051L	72,600,000
4P	85	2000	HGS20B4BM0C0S051M	99,000,000
4P	85	2500	HGS25B4BM0C0S051N	118,800,000
4P	85	3200	HGS32B4BM0C0S051P	134,800,000

HGN SERIES				
4P	85	630	HGN06A4BM0C0S051T	69,900,000
4P	85	800	HGN08A4BM0C0S051H	74,800,000
4P	85	1000	HGN10A4BM0C0S051J	75,900,000
4P	85	1250	HGN12A4BM0C0S051K	81,400,000
4P	85	1600	HGN16A4BM0C0S051L	86,900,000
4P	85	2000	HGN20A4 <u>C</u> M0C0S051M	89,100,000
4P	100	2500	HGN25B4BM0C0S051N	132,000,000
4P	100	3200	HGN32B4BM0C0S051P	148,500,000
4P	100	4000	HGN40B4BM0C0S051Q	203,500,000
4P	100	5000	HGN50C4BM0C0S051S	231,000,000
4P	150	6300	HGN63D4BM0C0S051X	396,000,000



PHỤ KIỆN DÙNG CHO ACB

• Sản xuất tại Hàn Quốc theo tiêu chuẩn IEC 60947-1,2

Sản Phẩm	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
 Trip Coil	Cuộn Shunt ngắt		[a] [b]
	ACB Trip Coil 110VAC/DC	HGNS S1	1,190,000
	ACB Trip Coil 220VAC/DC	HGNS S2	1,190,000
	ACB Trip Coil 24VDC	HGNS S7	1,190,000
 Closing Coil	ACB Closing Coil 110VAC/DC	HGNS C1	1,190,000
	ACB Closing Coil 220VAC/DC	HGNS C2	1,190,000
	ACB Closing Coil 24VDC	HGNS C7	1,190,000
	ACB Closing Coil 48VDC	HGNS C8	1,190,000
 UVT Coil	Cuộn Shunt đồng		[a] [b]
	ACB Closing Coil 110VAC/DC	HGNS C1	1,190,000
	ACB Closing Coil 220VAC/DC	HGNS C2	1,190,000
	ACB Closing Coil 24VDC	HGNS C7	1,190,000
 Spring Charging Geared Motor	ACB Closing Coil 48VDC	HGNS C8	1,190,000
	Cuộn Shunt ngắt khi thấp á		[a] [b]
	ACB Under Voltage Trip Coil 110VAC/DC	HGNS U1	1,520,000
	ACB Under Voltage Trip Coil 220VAC/DC	HGNS U2	1,520,000
 UVT Time Delay Controller	ACB Under Voltage Trip Coil 24VDC	HGNS U7	1,520,000
	ACB Under Voltage Trip Coil 48VDC	HGNS U8	1,520,000
	Relay định thời gian trễ cho UVT		[a] [b]
	ACB Delay timer 110VAC/DC	HGNS UT1	2,600,000
 Counter	ACB Delay timer 220VAC/DC	HGNS UT2	2,600,000
	ACB Delay timer 24VDC	HGNS UT7	2,600,000
	ACB Delay timer 48VDC	HGNS UT8	2,600,000
	Động cơ nạp lò xo tự động		[a] [b]
 AUX Switch	ACB Spring Charge Motor 110VAC/DC	HGNS M1	5,190,000
	ACB Spring Charge Motor 220VAC/DC	HGNS M2	5,190,000
	ACB Spring Charge Motor 24VDC	HGNS M7	5,190,000
	ACB Spring Charge Motor 48VDC	HGNS M8	5,190,000
 Phase Insulation Barrier	Tiếp điểm báo trạng thái đóng ngắt		[c]
	ACB Auxiliary Switch, 3a+3b, Auto connection	HGNS A3A	710,000
	ACB Auxiliary Switch, 5a+5b, Auto connection	HGNS A5A	1,060,000
	ACB Auxiliary Switch, 3a+3b, Manual connection	HGNS A3J	710,000
 Dust Cover	ACB Auxiliary Switch, 5a+5b, Manual connection	HGNS A5J	1,060,000
	Các phụ kiện khác		
	ACB Phase Insulation Barrier, 3Poles	HGNS 3PBAR	224,000
	ACB Phase Insulation Barrier, 4Poles	HGNS 4PBAR	336,000
 Door Flange	ACB Door Flange	HGNS AG	448,000
	ACB Dust Cover	HGNS DC	14,000,000
	ACB Key lock	HGNS AB	672,000
	ACB Temperature sensor	HGNS TSN	6,810,000

Ghi chú/ Note:

[a] - Ký tự số sau cùng (in đậm) của mã đặt hàng quy định các mức điện áp như sau:

AC/DC110V - 1	AC440V - 4	DC125V - 9
AC/DC220V - 2	DC24V - 7	
AC380V - 3	DC48V - 8	

[b] - Các phụ kiện này có thể yêu cầu nhà máy lắp đặt sẵn vào ACB trước khi giao hàng.

Vui lòng liên hệ đại lý hoặc văn phòng Hyundai để biết thêm chi tiết.

[c] - ACB HGS đã có sẵn 3a3b.

ACB HGN đã có sẵn 5a5b



Khóa liên động cơ khí

[e] [f]

Liên động 2 ACB, loại cố định

ACB MI x2 Frame A 3P/4P, F Type	HGNS FWB1A	8,560,000
ACB MI x2 Frame B 3P/4P, F Type	HGNS FWB1B	8,560,000
ACB MI x2 Frame C 3P, F Type	HGNS FWB1C3	9,630,000
ACB MI x2 Frame C 4P, F Type	HGNS FWB1C4	9,630,000
ACB MI x2 Frame D 3P, F Type	HGNS FWB1D3	9,630,000
ACB MI x2 Frame D 4P, F Type	HGNS FWB1D4	9,630,000

Liên động 2 ACB, loại di động

ACB MI x2 Frame A 3P/4P, D Type	HGNS DWB1A	8,140,000
ACB MI x2 Frame B 3P/4P, D Type	HGNS DWB1B	8,670,000
ACB MI x2 Frame C 3P, D Type	HGNS DWB1C3	8,780,000
ACB MI x2 Frame C 4P, D Type	HGNS DWB1C4	8,780,000
ACB MI x2 Frame D 3P, D Type	HGNS DWB1D3	9,310,000
ACB MI x2 Frame D 4P, D Type	HGNS DWB1D4	9,310,000

Liên động 3 ACB, loại cố định

ACB MI x3 Frame A 3P/4P, F Type	HGNS FWB2A	16,050,000
ACB MI x3 Frame B 3P/4P, F Type	HGNS FWB2B	16,050,000
ACB MI x3 Frame C 3P, F Type	HGNS FWB2C3	17,120,000
ACB MI x3 Frame C 4P, F Type	HGNS FWB2C4	17,120,000
ACB MI x3 Frame D 3P, F Type	HGNS FWB2D3	17,120,000
ACB MI x3 Frame D 4P, F Type	HGNS FWB2D4	17,120,000

Liên động 3 ACB, loại di động

ACB MI x3 Frame A 3P/4P, D Type	HGNS DWB2A	13,170,000
ACB MI x3 Frame B 3P/4P, D Type	HGNS DWB2B	16,270,000
ACB MI x3 Frame C 3P, D Type	HGNS DWB2C3	17,550,000
ACB MI x3 Frame C 4P, D Type	HGNS DWB2C4	17,550,000
ACB MI x3 Frame D 3P, D Type	HGNS DWB2D3	17,120,000
ACB MI x3 Frame D 4P, D Type	HGNS DWB2D4	17,120,000

Ghi chú/ Note:

[e] - Dòng HGN được thiết kế có vị trí lắp cảm biến nhiệt (không bao gồm cảm biến)

[f] - Mã đặt hàng bộ trip unit rời dùng cho việc nâng cấp hoặc thay thế. Trong trường hợp đặt hàng mới từ nhà máy, quý khách có thể yêu cầu nhà phân phối về mã hàng ACB được lắp sẵn loại trip unit mong muốn.

KHOẢNG ĐỘNG TỪ 3 PHA - RƠ LÊ BẢO VỆ QUÁ TẢI

- Sản xuất tại Hàn Quốc theo tiêu chuẩn IEC 60947-1; 60204-1
- Dòng điện hoạt động lên đến 800A
- Độ bền cơ khí lên đến 15,000,000 chu kỳ hoạt động



Dòng điện/Công Suất		Số tiếp điểm		Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
<i>I_{th} (A)</i>	<i>P (kW)</i>	<i>NO</i>	<i>NC</i>		
Công tắc tơ cho tải thông thường, cuộn coil từ tính 220VAC					[a]
9	4	1	1	HGC911NSX220	380,000
12	5.5	1	1	HGC1211NSX220	430,000
18	7.5	1	1	HGC1811NSX220	520,000
25	11	1	1	HGC2511NSX220	590,000
32	15	2	2	HGC3222NSX220	855,000
40	18.5	2	2	HGC4022NSX220	950,000
50	22	2	2	HGC5022NSX220	1,190,000
65	30	2	2	HGC6522NSX220	1,550,000
75	37	2	2	HGC7522NSX220	1,800,000
85	45	2	2	HGC8522NSX220	2,210,000
100	55	2	2	HGC10022NSX220	2,530,000
130	65	2	2	HGC13022NSY220	3,190,000
150	75	2	2	HGC15022NSY220	3,190,000
Công tắc tơ cho tải thông thường, cuộn coil điện tử AC/DC					[a]
130	65	2	2	HGC13022NSF220	3,680,000
150	75	2	2	HGC15022NSF220	4,500,000
185	90	2	2	HGC18522NSF220	6,200,000
225	132	2	2	HGC22522NSF220	6,710,000
265	147	2	2	HGC26522NSF220	9,080,000
300	160	2	2	HGC30022NSF220	9,850,000
400	220	2	2	HGC40022NSF220	11,330,000
500	250	2	2	HGC50022NSF220	18,150,000
630	330	2	2	HGC63022NSF220	24,750,000
800	440	2	2	HGC80022NSF220	31,350,000

HGC	12	22	N	S
Type	Type & Capacity	Aux. Contact	Purpose	Terminal Type
HGC Magnetic Contactor	Standard Contactor	11 1NO + 1NC 21 2NO + 1NC 22 2NO + 2NC	N General	S With terminal Cover
	9 9A - 4kW 12 12A - 5.5kW 18 18A - 7.5kW 25 25A - 11kW ... 500 500A - 250kW 630 630A - 330kW 800 800A - 440kW			
	Capacitor Switching Contactor			
	9C 9A - 9.7kVAR 12C 12A - 12.5kVAR 18C 18A - 16.7kVAR ... 85C 85A - 60kVAR 100C 100A - 80kVAR			
			A 220 N	
			Coil Voltage Cat.	Operation Coil Volt
			X AC 50 Hz 24 24 VAC/DC	N Non 1E Class
			A AC 60 Hz 48 48 VAC/DC	
			D DC 110 110 VAC/DC	
			F AC/DC (*) 220 220 VAC/DC	
				380 380 VAC
				440 440 VAC

(*) Applied for electronic coil



Công tắc tơ cho tải thông thường, cuộn coil từ tính 24VDC						[a]
9	4	1	1	HGC911NSD 24		545,000
12	5.5	1	1	HGC1211NSD 24		590,000
18	7.5	1	1	HGC1811NSD 24		690,000
25	11	1	1	HGC2511NSD 24		715,000
32	15	1	1	HGC3222NSD 24		935,000
40	18.5	1	1	HGC4022NSD 24		1,155,000
50	22	2	1	HGC5021NSD 24		1,265,000
65	30	2	1	HGC6521NSD 24		1,650,000
75	37	2	1	HGC7521NSD 24		2,420,000
85	45	2	1	HGC8521NSD 24		2,970,000
100	55	2	1	HGC10021NSD 24		3,190,000
Công tắc tơ chuyên dùng cho tụ bù, cuộn coil từ tính AC						[b]
9	9.7 (kVAR)	2	2	HGC9C22NSX 220		910,000
12	12.5 (kVAR)	2	2	HGC12C22NSX 220		910,000
18	16.7 (kVAR)	2	2	HGC18C22NSX 220		975,000
25	20 (kVAR)	2	2	HGC25C22NSX 220		1,070,000
32	25 (kVAR)	2	2	HGC32C22NSX 220		1,190,000
40	29 (kVAR)	2	2	HGC40C22NSX 220		1,300,000
50	40 (kVAR)	2	2	HGC50C22NSX 220		1,630,000
65	43.5 (kVAR)	2	2	HGC65C22NSX 220		1,945,000
75	52 (kVAR)	2	2	HGC75C22NSX 220		2,230,000
85	56 (kVAR)	2	2	HGC85C22NSX 220		2,590,000
100	62 (kVAR)	2	2	HGC100C22NSX 220		2,920,000

Ghi chú/ Note:

[a] - Các mức điện áp điều khiển cuộn coil có thể cung cấp, vui lòng liên hệ nhà phân phối để biết thêm chi tiết

- Đối với contactor nhỏ hơn 100A: 24VAC | 48VAC | 110VAC | 120VAC | 220VAC | 240VAC | 380VAC | 440VAC
- Đối với contactor từ 115A đến 500A: 100VAC/110VDC ~ 240VAC/220VDC | 380VAC~450VAC
- Đối với contactor $\geq$ 630A: 100VAC/100VDC~127VAC/110VDC | 200VAC/200VDC~240VAC/220VDC | 380VAC~450VAC
- Đối với contactor cuộn coil DC: 24VDC | 48VDC | 110VDC | 125VDC | 220VDC.

[b] - Công suất phản kháng kVAR của tụ bù được khai báo tại mức điện áp 440VAC

- Sản xuất tại Hàn Quốc theo tiêu chuẩn IEC 60947-1; 60204-1
- Dòng điện hoạt động lên đến 800A

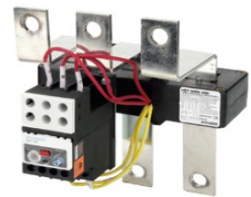
Sản Phẩm Product	Loại contactor lắp được	Mức chỉnh dòng bảo vệ		Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
		Min. (A)	Max. (A)			
Relay nhiệt bảo vệ quá tải Thermal overload relay					[a]	
 HGT18	HGC9 HGC12 HGC18	<u>Relay nhiệt cho contactor dưới 18A</u>				
		0.12	0.18	HGT18KA0P18S	310,000	
		0.18	0.26	HGT18KA0P26S	310,000	
			0.25	0.35	HGT18KA0P35S	310,000
			0.34	0.50	HGT18KA0P50S	310,000
			0.50	0.70	HGT18KA0P70S	310,000
			0.60	0.90	HGT18KA0P90S	310,000
			0.80	1.20	HGT18KA1P20S	310,000
			1.10	1.60	HGT18KA1P60S	310,000
			1.50	2.10	HGT18KA2P10S	310,000
			2.00	3.00	HGT18KA0003S	310,000
			2.80	4.20	HGT18KA4P20S	310,000
 HGT40	HGC25 HGC32 HGC40	3.00	5.00	HGT18KA0005S	310,000	
		4.00	6.00	HGT18KA0006S	310,000	
		5.60	8.00	HGT18KA0008S	310,000	
		6.00	9.00	HGT18KA0009S	310,000	
		8.00	12.0	HGT18KA0012S	310,000	
		12.0	18.0	HGT18KA0018S	310,000	
		<u>Relay nhiệt cho contactor từ 25A đến 40A</u>				
		7.00	10.0	HGT40KA0010S	395,000	
		8.00	12.0	HGT40KA0012S	395,000	
		12.0	18.0	HGT40KA0018S	395,000	
		15.0	22.0	HGT40KA0022S	395,000	
		17.0	25.0	HGT40KA0025S	395,000	
22.0		32.0	HGT40KA0032S	395,000		
28.0		40.0	HGT40KA0040S	395,000		
 HGT65		HGC100	<u>Relay nhiệt cho contactor từ 50A đến 65A</u>			
	17.0		25.0	HGT65KA0025S	750,000	
	22.0		32.0	HGT65KA0032S	750,000	
	28.0		40.0	HGT65KA0040S	750,000	
	34.0		50.0	HGT65KA0050S	750,000	
	45.0		65.0	HGT65KA0065S	750,000	
	<u>Relay nhiệt cho contactor từ 75A đến 100A</u>					
	28.0		40.0	HGT100KA0040S	1,135,000	
	34.0		50.0	HGT100KA0050S	1,135,000	
	45.0		65.0	HGT100KA0065S	1,135,000	
	52.0		75.0	HGT100KA0075S	1,135,000	
	59.0		85.0	HGT100KA0085S	1,135,000	
70.0	100		HGT100KA0100S	1,135,000		



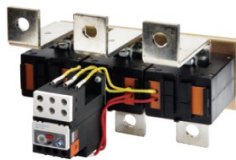
HGT150



HGT265



HGT500



HGT800

Front Mounting



HGC TB

Side Mounting



HGC SB



Interlock Unit

Relay nhiệt cho contactor từ 115A đến 150A

HGC115	48.0	80.0	HGT150KA0080S	2,200,000
HGC130	69.0	115	HGT150KA0115S	2,200,000
HGC150	78.0	130	HGT150KA0130S	2,200,000
	90.0	150	HGT150KA0150S	2,200,000

Relay nhiệt cho contactor từ 115A đến 150A

HGC185	90.0	150	HGT265KA0150S	2,970,000
HGC225	111	185	HGT265KA0185S	2,970,000
HGC265	135	225	HGT265KA0225S	2,970,000
	159	265	HGT265KA0265S	2,970,000

Relay nhiệt cho contactor từ 300A đến 500A

HGC300	159	265	HGT500KA0265S	4,100,000
HGC400	180	300	HGT500KA0300S	4,100,000
HGC500	240	400	HGT500KA0400S	4,100,000
	300	500	HGT500KA0500S	4,100,000

Relay nhiệt cho contactor từ 630A đến 800A

HGC630	378	630	HGT800KA0630S	7,780,000
HGC800	480	800	HGT800KA0800S	7,780,000

Ghi chú/ Note:

[a] - Relay nhiệt đã có sẵn 1NO & 1NC và có thể lắp trực tiếp vào contactor hoặc qua đế lắp đặt để gắn lên thanh

Tiếp điểm phụ loại lắp mặt trước | Front mounting auxiliary contact

[a]

Dùng cho contactor dưới 100A

HGC9	Front moun	HGCTB02NS	110,000
HGC12	Front moun	HGCTB11NS	110,000
...	Front moun	HGCTB20NS	110,000
...	Front moun	HGCTB04NS	170,000
HGC85	Front moun	HGCTB13NS	170,000
HGC100	Front moun	HGCTB22NS	170,000
	Front moun	HGCTB31NS	170,000
	Front moun	HGCTB40NS	170,000

Tiếp điểm phụ loại lắp mặt bên | Side mounting auxiliary contact block

Dùng cho contactor từ 9A đến 40A

HGC9 ... HGC40	Side moun	HGCSB4011NS	110,000
----------------	-----------	-------------	---------

Dùng cho contactor từ 50A đến 100A

HGC50 ... HGC100	Side moun	HGCSB10011NS	165,000
------------------	-----------	--------------	---------

Dùng cho contactor từ 115A đến 800A

HGC115 ... HGC800	Side moun	HGCSB80011NS	220,000
-------------------	-----------	--------------	---------

Khóa liên động cơ khí | Mechanical Interlock

Dùng cho contactor từ 9A đến 40A

HGC9 ... HGC40	Interlock U	HGCIU40	205,000
----------------	-------------	---------	---------

Dùng cho contactor từ 50A đến 100A

HGC50 ... HGC100	Interlock U	HGCIU100	205,000
------------------	-------------	----------	---------

Dùng cho contactor từ 115A đến 265A

HGC115 ... HGC265	Interlock U	HGCIU265	290,000
-------------------	-------------	----------	---------

Dùng cho contactor từ 300A đến 800A

HGC300 ... HGC800	Interlock U	HGCIU800	1,240,000
-------------------	-------------	----------	-----------



Cuộn xả dòng đóng/ngắt cho điều khiển tự bù | Capacitor Switching Unit

HGC9 ... HGC40

Dùng cho contactor từ 9A đến 40A

Capacitor ☿ HGCCU4000NS 486,000

HGC50 ... HGC65

Dùng cho contactor từ 50A đến 65A

Capacitor ☿ HGCCU6500NS 486,000

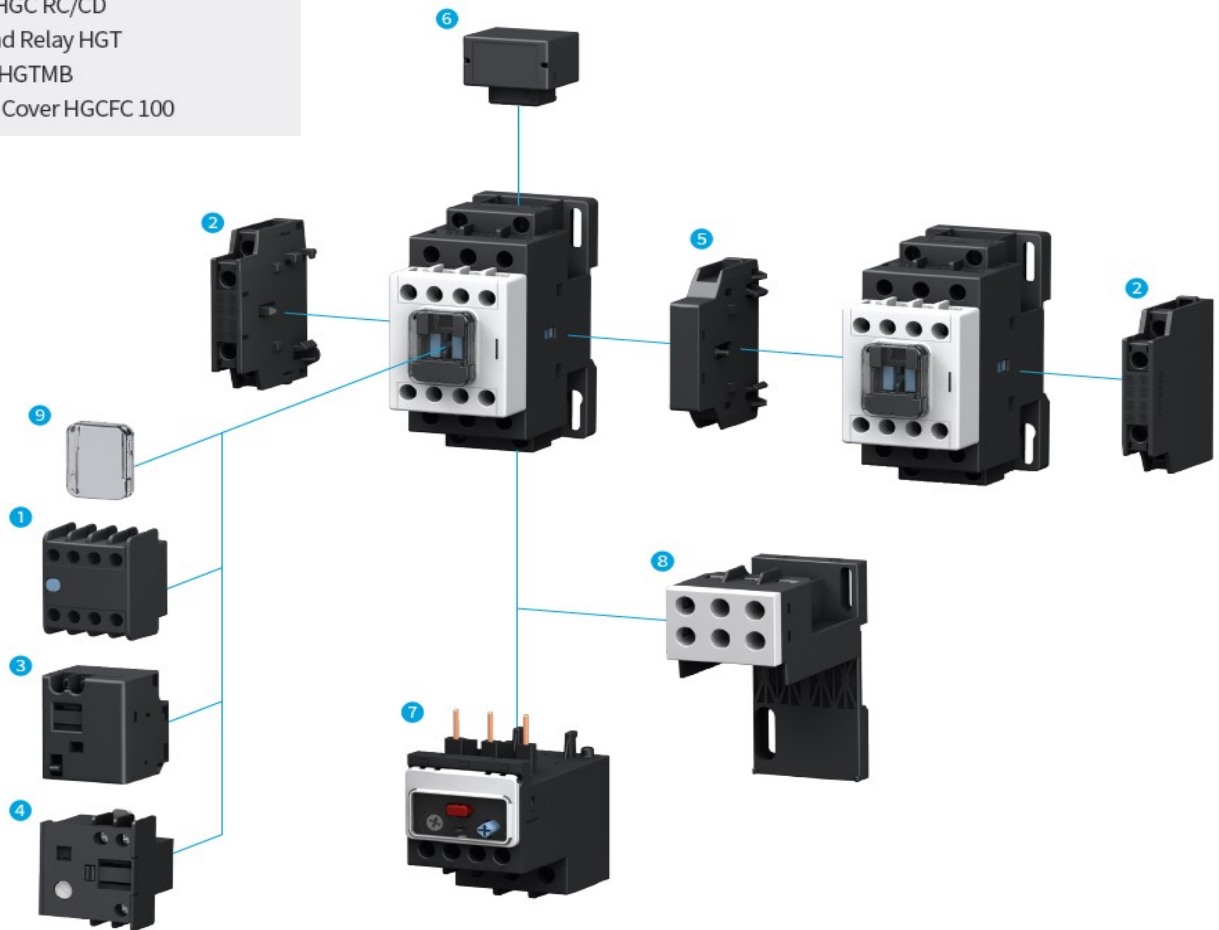
HGC75 ... HGC100

Dùng cho contactor từ 75A đến 100A

Capacitor ☿ HGCCU10000NS 486,000

9 ~ 100 AF Accessories

- 1 Auxiliary Contact Block (Front) HGC TB
- 2 Auxiliary Contact Block (Side) HGC SB
- 3 Mechanical Latching Block HGC LB 100
- 4 Timer HGC ET
- 5 Interlock Unit HGC IU
- 6 Surge Absorber HGC RC/CD
- 7 Thermal Overload Relay HGT
- 8 Installation Unit HGTMB
- 9 Front Protection Cover HGCFC 100



KHOẢNG ĐỘNG TỪ 3 PHA - RƠ LE BẢO VỆ QUÁ TẢI

- Sản xuất tại Trung Quốc theo tiêu chuẩn IEC 60947-1; 60204-1
- Dòng điện hoạt động lên đến 40A
- Độ bền cơ khí lên đến 10,000,000 chu kỳ hoạt động

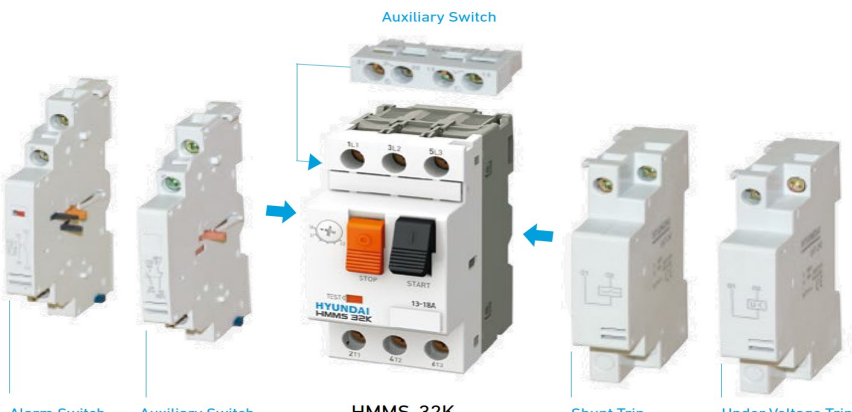
Sản Phẩm Product	Dòng điện/Công Suất Ith (A) P (kW)		Số tiếp điểm NO NC		Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc tơ cho tải thông thường, cuộn coil từ tính AC, model HGC.B						[a]
	9	4	1	1	HGC9B11NSX220D	380,000
	12	5.5	1	1	HGC12B11NSX220D	430,000
	18	7.5	1	1	HGC18B11NSX220D	520,000
	25	11	1	1	HGC25B11NSX220D	590,000
	32	15	1	1	HGC32B11NSX220D	855,000
	40	18.5	1	1	HGC40B11NSX220D	950,000
Relay nhiệt bảo vệ quá tải cho contactor loại HGC.B						
	Loại contactor lắp được		Min. (A)	Max. (A)		
			Relay nhiệt cho contactor dưới 18A			
	HGC9.B		0.10	0.16	HGT18KDA0P16_S	310,000
	HGC12.B		0.16	0.25	HGT18KDA0P25_S	310,000
	HGC18.B		0.25	0.40	HGT18KDA0P40_S	310,000
			0.40	0.63	HGT18KDA0P63_S	310,000
			0.63	1.00	HGT18KDA0001_S	310,000
			1.00	1.60	HGT18KDA1P60_S	310,000
			1.60	2.50	HGT18KDA2P50_S	310,000
			2.50	4.00	HGT18KDA0004_S	310,000
			4.00	6.00	HGT18KDA0006_S	310,000
			5.50	8.00	HGT18KDA0008_S	310,000
			7.00	10.0	HGT18KDA0010_S	310,000
			9.00	13.0	HGT18KDA0013_S	310,000
			12.0	18.0	HGT18KDA0018_S	310,000
	Relay nhiệt cho contactor trên 18A					
	HGC25.B		7.00	10.0	HGT40KBA0010S	395,000
	HGC32.B		8.00	12.0	HGT40KBA0012S	395,000
	HGC40.B		12.0	18.0	HGT40KBA0018S	395,000
			15.0	22.0	HGT40KBA0022S	395,000
			17.0	25.0	HGT40KBA0025S	395,000
			22.0	32.0	HGT40KBA0032S	395,000
			28.0	40.0	HGT40KBA0040S	395,000

Ghi chú/ Note:

- [a] - Các mức điện áp điều khiển cuộn coil có thể cung cấp, vui lòng liên hệ nhà phân phối để biết thêm chi tiết
- 24VAC | 110VAC | 220VAC | 240VAC | 380VAC | 440VAC

CB BẢO VỆ ĐỘNG CƠ (MMS)

- Theo tiêu chuẩn IEC 60947-2, 60947-4-1
 - Dòng định mức đến 80A
 - Khả năng cắt ngắn mạch Icu lên đến 100kA
- Độ bền cơ khí lên đến 100,000 lần đóng ngắt
 - STOP/START bằng nút nhấn

Sản Phẩm	Khả năng cắt			Mức chỉnh dòng bảo vệ	Mô tả	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	Icu (kA)	Min. (A)	Max. (A)				
 	Cầu dao khởi động động cơ dạng khối, Stop/Start bằng nút nhấn						
	Loại MMS32K, dòng nhỏ hơn 32 A, STOP/START bằng nút nhấn						
	100	0.10	0.16	MMS-0.10	0.16A-100kA-HMMS	MMS32K0P16	625,000
	100	0.16	0.25	MMS-0.16	0.25A-100kA-HMMS	MMS32K0P25	625,000
	100	0.25	0.40	MMS-0.25	0.40A-100kA-HMMS	MMS32K0P40	625,000
	100	0.40	0.63	MMS-0.40	0.63A-100kA-HMMS	MMS32K0P63	625,000
	100	0.63	1.00	MMS-0.63	1.00A-100kA-HMMS	MMS32K1P00	625,000
	100	1.00	1.60	MMS-1.00	1.60A-100kA-HMMS	MMS32K01P6	625,000
	100	1.60	2.50	MMS-1.60	2.50A-100kA-HMMS	MMS32K02P5	625,000
	100	2.50	4.00	MMS-2.50	4.00A-100kA-HMMS	MMS32K0004	625,000
	100	4.00	6.30	MMS-4.00	6.30A-100kA-HMMS	MMS32K06P3	625,000
	100	6.00	10.0	MMS-6.00	10.0A-100kA-HMMS	MMS32K0010	625,000
	100	9.00	14.0	MMS-9.00	14.0A-100kA-HMMS	MMS32K0014	637,000
	100	13.0	18.0	MMS-13.0	18.0A-100kA-HMMS	MMS32K0018	637,000
	50	17.0	23.0	MMS-17.0	23.0A-50kA-HMMS	MMS32K0023	637,000
50	20.0	25.0	MMS-20.0	25.0A-50kA-HMMS	MMS32K0025	637,000	
50	24.0	32.0	MMS-24.0	32.0A-50kA-HMMS	MMS32K0032	637,000	
	Loại MMS80K, dòng từ 32 A đến 80A, STOP/START bằng nút nhấn						
	50	25.0	40.0	MMS-25.0	40.0A-50kA-HMMS	MMS80K0040	1,650,000
	50	40.0	63.0	MMS-40.0	63.0A-50kA-HMMS	MMS80K0063	1,650,000
15	56.0	80.0	MMS-56.0	80.0A-15kA-HMMS	MMS80K0080	1,793,000	
Auxiliary Switch Front Mounting	Phụ kiện cho MMS32K						
	Tiếp điểm bảo vệ vị trí						
	Front mounting Aux. 1NO1NC MMS32K					MMS32KAUXT11	157,000
	Left-side mounting Aux. 1NO1NC MMS32K					MMS32KAUXS11	211,000
Auxiliary Switch Side Mounting	Left-side mounting Aux. 2NO0NC MMS32K					MMS32KAUXS20	211,000
	Tiếp điểm báo trạng thái						
	Left-side failure alarm aux. Fail: NO, Aux: NO MMS32K					MMS32KAXT1010	394,000
	Left-side failure alarm aux. Fail: NO, Aux: NC MMS32K					MMS32KAXT1001	394,000
	Left-side failure alarm aux. Fail: NC, Aux: NO MMS32K					MMS32KAXT0110	394,000
	Left-side failure alarm aux. Fail: NC, Aux: NC MMS32K					MMS32KAXT0101	394,000
Failure Alarm Side Mounting	Cuộn shunt ngắt						
	Shunt trip relay 110VAC MMS32K					MMS32KSHT110	462,000
	Shunt trip relay 240VAC MMS32K					MMS32KSHT240	462,000
	Shunt trip relay 380VAC MMS32K					MMS32KSHT380	462,000
	Cuộn shunt bảo vệ thấp áp						
	Under volt trip relay 110VAC MMS32K					MMS32KUVT110	462,000
	Under volt trip relay 240VAC MMS32K					MMS32KUVT240	462,000
	Under volt trip relay 380VAC MMS32K					MMS32KUVT380	462,000
		Phụ kiện cho MMS80K					
Tiếp điểm bảo vệ vị trí							
Left-side mounting Aux. 1NO1NC MMS80K					MMS80KAUXS11	345,000	
	Left-side mounting Aux. 2NO0NC MMS80K					MMS80KAUXS20	345,000
							

CÔNG TÁC TƠ LẮP THANH DIN

- Sản xuất tại Trung Quốc theo tiêu chuẩn IEC 61095
- Dòng định mức 25A, 40A, 63A
- Độ bền cơ khí lên đến 1,000,000 lần đóng/ngắt

Sản Phẩm Product	Dòng định mức In (A)	Số tiếp điểm NO NC		Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
 HIC25	COIL VOLTAGE, 230VAC				
	Dòng tiếp điểm: 25A				
	25	2	0	HIC2520NSX230	472,000
	25	1	1	HIC2511NSX230	472,000
	25	0	2	HIC2502NSX230	472,000
	25	4	0	HIC2540NSX230	753,000
	25	3	1	HIC2531NSX230	753,000
	25	2	2	HIC2522NSX230	753,000
	25	0	4	HIC2504NSX230	753,000
	Dòng tiếp điểm: 40A				
	40	2	0	HIC4020NSX230	888,000
	40	1	1	HIC4011NSX230	888,000
	40	0	2	HIC4002NSX230	888,000
	40	4	0	HIC4040NSX230	1,109,000
	40	3	1	HIC4031NSX230	1,109,000
40	2	2	HIC4022NSX230	1,109,000	
40	0	4	HIC4004NSX230	1,109,000	
 HIC40	Dòng tiếp điểm: 63A				
	63	2	0	HIC6320NSX230	888,000
	63	1	1	HIC6311NSX230	888,000
	63	0	2	HIC6302NSX230	888,000
	63	4	0	HIC6340NSX230	1,109,000
	63	3	1	HIC6331NSX230	1,109,000
	63	2	2	HIC6322NSX230	1,109,000
	63	0	4	HIC6304NSX230	1,109,000
	COIL VOLTAGE, 24VAC				
	Dòng tiếp điểm: 25A				
	25	2	0	HIC2520NSX024	472,000
	25	1	1	HIC2511NSX024	472,000
	25	0	2	HIC2502NSX024	472,000
	25	4	0	HIC2540NSX024	506,000
	25	3	1	HIC2531NSX024	506,000
25	2	2	HIC2522NSX024	506,000	
25	0	4	HIC2504NSX024	506,000	

Dòng tiếp điểm: 40A

40	2	0	HIC4020NSX024	888,000
40	1	1	HIC4011NSX024	888,000
40	0	2	HIC4002NSX024	888,000
40	4	0	HIC4040NSX024	1,109,000
40	3	1	HIC4031NSX024	1,109,000
40	2	2	HIC4022NSX024	1,109,000
40	0	4	HIC4004NSX024	1,109,000

Dòng tiếp điểm: 63A

63	2	0	HIC6320NSX024	888,000
63	1	1	HIC6311NSX024	888,000
63	0	2	HIC6302NSX024	888,000
63	4	0	HIC6340NSX024	1,109,000
63	3	1	HIC6331NSX024	1,109,000
63	2	2	HIC6322NSX024	1,109,000
63	0	4	HIC6304NSX024	1,109,000

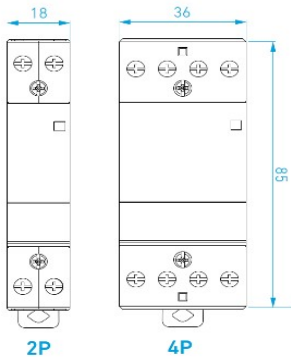


HIC63

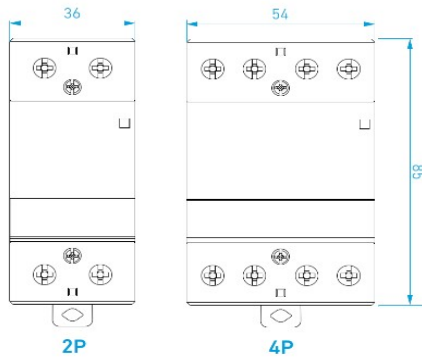
Ghi chú/ Note:

[a] - Thay đổi 3 ký tự cuối mã đặt hàng để chọn mức điện áp điều khiển cuộn coil

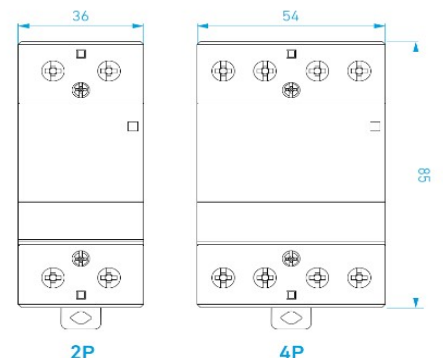
- **230** - 230V
- **048** - 48V
- **024** - 24V



HIC25, 25 AF



HIC40, 40 AF



HIC63, 63 AF